

## TIỂU DẪN



NGUYỄN DUY

Nguyễn Duy tên khai sinh là Nguyễn Duy Huệ, sinh năm 1948, quê ở xã Đông Vệ, thị xã Thanh Hoá (nay là thành phố Thanh Hoá), tỉnh Thanh Hoá. Mẹ mất sớm, Nguyễn Duy ở với bà ngoại từ nhỏ. Trong tâm hồn của Nguyễn Duy, bà ngoại là hình ảnh gần gũi, thân thuộc nhất. Năm 1966, ông nhập ngũ. Từ năm 1971 đến năm 1975, vẫn đang khoác áo lính, Nguyễn Duy về học tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội. Cuối năm 1975, ông cùng đơn vị vào tiếp quản Vũng Tàu. Năm 1976, Nguyễn Duy vào sống và công tác tại Thành phố Hồ Chí Minh, là biên tập viên báo *Văn nghệ Giải phóng*, rồi làm Trưởng đại diện của báo *Văn nghệ* ở phía Nam.

Nguyễn Duy làm thơ rất sớm, khi đang còn là học sinh phổ thông. Năm 1973, ông đoạt giải Nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* với chùm thơ: *Hơi ấm ổ rơm*, *Bầu trời vuông*, *Tre Việt Nam*. Thơ Nguyễn Duy có sự kết hợp hài hoà giữa cái duyên dáng, trữ tình với chất thế sự đậm đặc, nhiều bài là

tiếng nói khẳng khái, bộc trực, đầy ngang tàng mà trầm tĩnh, giàu chiêm nghiệm và mang tính thần công dân sâu sắc. Ông là một trong số không nhiều cây bút hiện nay đã góp phần làm mới thể lục bát bằng những tìm tòi theo hướng hiện đại, tạo nên nét độc đáo, hấp dẫn trong cấu trúc, hình ảnh và ngôn ngữ của thể thơ truyền thống này. Năm 2007, Nguyễn Duy được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật.

Tác phẩm chính về thơ: *Cát trắng* (1973), *Ánh trăng* (1984), *Đãi cát tìm vàng* (1987), *Mẹ và em* (1987),... Ngoài thơ, ông còn viết tiểu thuyết, bút kí và một số thể loại khác như: *Em – Sóng* (kịch thơ, 1983), *Khoảng cách* (tiểu thuyết, 1986), *Nhìn ra bề rộng trời cao* (bút kí, 1986),...

Bài *Đò Lèn* được viết năm 1983, trong một dịp nhà thơ trở về quê hương, sống với những hồi ức đan xen nhiều buồn vui thời thơ ấu.

(1) *Đò Lèn*: địa danh ở Thanh Hoá, vùng quê tác giả.

## VĂN BẢN

Thuở nhỏ tôi ra cống Na câu cá  
nú váy bà đi chợ Bình Lâm  
bắt chim sẻ ở vành tai tượng Phật  
và đôi khi ăn trộm nhãn chùa Trần<sup>(1)</sup>

Thuở nhỏ tôi lên chơi đền Cây Thị<sup>(2)</sup>  
chân đất đi đèm xem lễ đền Sòng<sup>(3)</sup>  
mùi huệ trắng quyện khói trầm thơm lắm  
điệu hát vãn<sup>(4)</sup> lão đảo bóng cô đồng

Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế  
bà mò cua xúc tép ở đồng Quan  
bà đi gánh chè xanh Ba Trại  
Quán Cháo, Đồng Giao thập thững những đêm hàn

Tôi trong suốt giữa hai bờ hư – thực  
giữa bà tôi và tiên, Phật, thánh, thần  
cái năm đói, củ dong riềng luộc sượng  
cứ nghe thơm mùi huệ trắng, hương trầm

Bom Mĩ giới, nhà bà tôi bay mát  
đền Sòng bay, bay tuốt cả chùa chiền  
thánh với Phật rủ nhau đi đâu hết  
bà tôi đi bán trứng ở ga Lèn

---

(1), (2), (3) *Chùa Trần, đền Cây Thị, đền Sòng*: các địa danh ở Thanh Hoá, vùng quê tác giả.

(4) *Hát vãn* (còn gọi là *hát chầu vãn*): hát có đàn hoà theo, để ca tụng thần thánh khi cúng bái hay lên đồng.

Tôi đi lính, lâu không về quê ngoại  
dòng sông xưa vẫn bên lở, bên bồi  
khi tôi biết thương bà thì đã muộn  
bà chỉ còn là một nắm cỏ thôi.

9 – 1983

---

(Ánh trăng, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1984)

### HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong bài thơ, cái tôi của tác giả thời tuổi nhỏ được tái hiện như thế nào ? Nét quen thuộc và mới mẻ trong cách nhìn của tác giả về chính mình trong quá khứ ?
2. Tình cảm sâu nặng của tác giả đối với bà mình được biểu hiện cụ thể như thế nào ?
3. Cách thể hiện tình thương bà của tác giả có gì đặc biệt ? So sánh nét riêng trong cách sử dụng hình ảnh thơ giữa hai tác giả cùng viết về một đề tài : Bằng Việt (*Bếp lửa*) và Nguyễn Duy (*Đò Lèn*).